

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TÍNH LỊCH SỰ
TRONG HÀNH ĐỘNG NGÔN TỪ NHỜ VÀ
BẰNG TIẾNG HÀN CỦA NGƯỜI HỌC VIỆT NAM
(TỪ TƯ LIỆU THU ĐIỆN TỬ/EMAIL)
THÂN THỊ THÚY HIỀN***

TÓM TẮT: Tự thân hành động ngôn từ nhờ vả có thể gây tổn thương thể diện của đối phương nên việc sử dụng hành động ngôn từ này của người bản ngữ cũng là cả một vấn đề. Nó đòi hỏi người nói cần phải sử dụng các chiến lược khác nhau để giảm thiểu đe dọa thể diện của đối tượng giao tiếp. Vì thế, đối với người học ngoại ngữ lại càng khó khăn. Theo đó, nếu người học ngoại ngữ không được hướng dẫn về các biểu đạt ngôn ngữ phù hợp trong ngữ đích thì có thể dẫn đến hiểu lầm hoặc thậm chí thất bại trong giao tiếp. Trong nghiên cứu này, chúng tôi cách biểu đạt tính lịch sự trong HĐNT nhờ vả và bằng tiếng Hàn của người học Việt Nam học tiếng Hàn.

TỪ KHÓA: Tiếng Hàn; người học Việt Nam; tính lịch sự; email; hành động ngôn từ nhờ vả.

NHẬN BÀI: 29/08/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/12/2024

1. Mở đầu

Mục tiêu của người học ngoại ngữ là giao tiếp thành công bằng ngoại ngữ đó với người bản xứ. Để đạt được mục tiêu đó, ngoài khả năng về từ vựng, ngữ pháp, người học cần phải có năng lực ngữ dụng để có thể sử dụng ngoại ngữ đó một cách phù hợp với tình huống. Nhưng khác với người bản xứ, người học ngoại ngữ có thể gặp khó khăn trong việc sử dụng ngoại ngữ phù hợp với các tình huống, gây ra nhiều lỗi ngữ dụng (Haiyoung Lee, 2002; Kyungsook Oh, 2011) trong khi người bản ngữ nhạy cảm với các lỗi ngữ dụng hơn là lỗi ngữ pháp, nhưng ngược lại, người học chú ý đến lỗi ngữ pháp hơn các vấn đề ngữ dụng (Lee Hai-young, 2009). Sự khác biệt về văn hóa là nguyên nhân chính dẫn đến thất bại ngữ dụng trong giao tiếp giữa những người đến từ hai nền văn hóa khác nhau. Nhìn chung, sự khác biệt ngữ dụng giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ đích càng lớn, khả năng mắc lỗi ngữ dụng càng cao vì người học chưa được trang bị đầy đủ kiến thức ngữ dụng của ngữ đích nên có xu hướng dựa vào ngôn ngữ mẹ đẻ.

Liên quan đến ngữ dụng, một trong những khó khăn của người nước ngoài học tiếng Hàn là cách biểu đạt tính lịch sự (politeness) vì có yếu tố kính ngữ, và yếu tố này được quyết định bởi tuổi tác, mối quan hệ thân sơ, địa vị giữa người nói và người nghe, v.v. Đặc biệt, trong các tình huống xin lỗi, yêu cầu, nhờ vả, biểu đạt ngôn ngữ để tránh đe dọa thể diện của người nghe và đạt được thành công trong giao tiếp là một khó khăn đối với người học tiếng Hàn. Nhận thức điều này, trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu cách biểu đạt tính lịch sự của người học Việt Nam trong HĐNT nhờ vả thông qua email tiếng Hàn. Theo Brown & Levinson (1987), nhờ vả là một trong những hành động đe dọa thể diện (face threatening act) vì có thể làm tổn hại tới quyền tự do hành động của người nghe. Hành động ngôn từ nhờ vả (HĐNT) đôi khi được coi là HĐNT yêu cầu, tuy nhiên, HĐNT ngôn từ yêu cầu mang tính áp đặt cao hơn, ngược lại, HĐNT nhờ vả đòi hỏi tính lịch sự cao hơn nhằm làm giảm nguy cơ đe dọa thể diện của người nghe. Với nghiên cứu này, chúng tôi sẽ làm rõ người học Việt Nam có nhận thức được yếu tố này để biểu đạt tính lịch sự phù hợp với tình huống hay không.

2. Cơ sở lý luận

Trong bất cứ ngôn ngữ nào, tính lịch sự là yếu tố rất quan trọng trong giao tiếp bởi vì người nói và người nghe đều muốn được đối phương tôn trọng. Có nhiều định nghĩa khác nhau về lịch sự. Brown và Levinson (1987, tr.61) định nghĩa, lịch sự là thể diện và khẳng định mỗi chúng ta đều có thể diện, và vì có thể diện nên ta luôn có nhu cầu được giữ thể diện. Lakoff (1990, tr.34) định nghĩa lịch sự là “hành động như thể địa vị của người khác cao hơn người nói”. Lakoff (1990) cho rằng, mục đích của

*TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh;
Email: thuyhien@hcmussh.edu.vn

lịch sự là giảm thiểu bất đồng trong quá trình giao tiếp giữa các cá nhân. Fraser (1990) cho rằng lịch sự có nghĩa là tuân thủ tốt những nội quy hay quy định (khế ước đàm thoại) trong hội thoại. Locher (2004) và Watts (2003) lưu ý rằng, lịch sự vừa phù hợp với hoàn cảnh vừa mang tính lịch sự. Blum-Kulka (1987) định nghĩa lịch sự, về cơ bản, là một chức năng của hành động đền bù liên quan đến “gián tiếp”. Như vậy, các nhà nghiên cứu đưa ra các định nghĩa khác nhau về tính lịch sự nhưng có đặc điểm chung là thể hiện sự tôn trọng đối với đối phương, tránh những tình huống bất đồng, liên quan đến nghi thức xã hội và cách ứng xử trong quá trình giao tiếp.

Tuy nhiên, do các cộng đồng ngôn ngữ-văn hoá khác nhau sở hữu các hệ thống giá trị, quan niệm, đức tin, thói quen, phong cách giao tiếp, v.v khác nhau, ở các mức độ khác nhau, với liều lượng và cách thức biểu hiện khác nhau nên các thành viên của các cộng đồng đó có các nhìn nhận, các hành vi và các đánh giá khác nhau về phép lịch sự (Nguyễn Quang, 2019, tr.5). Trong tiếng Hàn, lịch sự được định nghĩa là thái độ tôn trọng người khác và hạ thấp chính mình (Jun-hak Kim, 1986; Seohyung Kim, 2013; Maerim Kim, 2016), khiêm tốn và lễ phép (Hyunjung Ku, 2011; Sohyun Park, 2017). Đặc biệt, trong văn hóa Hàn Quốc, sự lịch sự được quyết định bởi tuổi tác và vai vế. Kính ngữ chính là hệ thống biểu đạt sự tôn trọng đối với người lớn tuổi hơn hoặc có thứ bậc cao hơn.

Theo Hyunhwa Kang (2007, tr.11), dựa vào tính ép buộc, mối quan hệ trên-dưới, đối tượng được giúp đỡ là người nói hay người nghe, thẩm quyền (ưu thế) của người nói mà HĐNT chỉ thị có thể được chia thành mệnh lệnh, khuyến cáo, nhờ, đề nghị. Như vậy, HĐNT nhờ vả là một trong các phạm trù nhỏ thuộc phạm trù chỉ thị. Mihyun Cho (2023) cho rằng, HĐNT nhờ vả đòi hỏi tính lịch sự hơn yêu cầu. Thông thường, tùy theo ưu thế của người nói, mức độ thân sơ, thứ bậc giữa người nói và người nghe và mức độ gánh nặng mà người nói phải sử dụng các cách biểu đạt phù hợp. Chú trọng đến bình diện xã hội, Lakoff (1973) đã đưa ra các quy tắc ngữ dụng như không tạo gánh nặng hoặc ép buộc người nghe, cho người nghe quyền lựa chọn, tạo cảm giác hữu nghị. Tuy nhiên, bản thân HĐNT nhờ vả có thể gây tổn thương thể diện của đối phương nên HĐNT nhờ vả được biểu đạt bằng tiếng mẹ đẻ cũng không phải là hành vi ngôn ngữ dễ dàng; vì vậy, người nói cần phải sử dụng các chiến lược khác nhau. Nếu người học ngoại ngữ không được hướng dẫn về các biểu đạt ngôn ngữ phù hợp trong ngữ đích khi thực hiện HĐNT nhờ vả thì có thể dẫn đến hiểu lầm hoặc thậm chí thất bại trong giao tiếp (Sanghee Park và Jihyun Jun, 2019, tr.143).

HĐNT nhờ vả có thể chia làm hai yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, yếu tố ngôn ngữ bao gồm từ vựng, ngữ pháp còn yếu tố phi ngôn ngữ bao gồm thái độ, ánh mắt, cử chỉ hành động, quạ, vv. Về yếu tố ngôn ngữ, Blum-Kulka và Olshtain (1984) cho rằng để thành công trong giao tiếp, các kiến thức về ngữ dụng (pragmatic knowledge) cần thiết hơn các kiến thức về ngữ pháp (grammatical knowledge). Trong bút ngữ, vì không có yếu tố phi ngôn ngữ nên các yếu tố ngôn ngữ có vai trò mang tính quyết định dẫn đến sự thành công hoặc thất bại trong giao tiếp. Đơn cử giao tiếp trong email, trình bày email như thế nào để thể hiện thái độ lịch sự của người viết là việc khó, giao tiếp qua email bằng ngoại ngữ còn khó khăn hơn nữa. Bởi vì người viết email cần hiểu được bản chất phức tạp của phép lịch sự (Murphy và Levy, 2006).

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung nghiên cứu cách biểu đạt tính lịch sự trong HĐNT nhờ vả được thể hiện trong email được trình bày bằng tiếng Hàn của người học Việt Nam. Chúng tôi áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính và một phần phương pháp nghiên cứu định lượng. Đối tượng nghiên cứu là 30 sinh viên năm thứ 4 Khoa Hàn Quốc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi thực hiện quá trình nghiên cứu như sau: (1) Chọn chủ đề của email, (2) Giao bài tập cho sinh viên, (3) Tập hợp và chọn lọc bài đủ điều kiện nghiên cứu, (4) Phân tích.

Có nhiều khung phân tích khác nhau, tiêu biểu như Hyeryun Kim (2012), Jiyoung Kim và Seonung Yi (2023). Các khung phân tích này áp dụng cho nghiên cứu tính lịch sự trong cả khẩu ngữ và bút ngữ. Tuy nhiên, nghiên cứu này tập trung phân tích email- thể loại văn bản bút ngữ nên chúng

tôi điều chỉnh khung phân tích cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Khung phân tích của nghiên cứu này được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 1. Các hạng mục phân tích

Giai đoạn	Loại hình biểu đạt	
A. Chiến lược trực tiếp và tường minh	1. Sử dụng dạng mệnh lệnh	
	2. Sử dụng động từ ngôn hành	
B. Chiến lược gián tiếp và mang tính tiền lệ	3. Giảm gánh nặng cho người nghe	
	4. Biểu đạt mong muốn	
	5. Đặt câu hỏi điều kiện ban đầu	(1) Hỏi ý định
		(2) Hỏi khả năng thực hiện
		(3)Xin phép
C. Chiến lược gián tiếp và không mang tính tiền lệ	6. Âm chỉ	(1) Biểu đạt mục đích/ ý định
		(2) Giải thích tình huống

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Dạng thức tổng thể

Đầu tiên, chúng tôi tìm hiểu dạng thức tổng thể về các cách biểu đạt tính lịch sự được người học Việt Nam sử dụng trong email nhờ giáo sư viết thư tiến cử. Những thông tin này được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 2. Phương thức biểu đạt hành vi nhờ

Giai đoạn	Loại hình biểu đạt		Hình thức biểu đạt	Tần số (lần)	Tỉ lệ (%)	
A. Chiến lược trực tiếp và tường minh	Sử dụng dạng mệnh lệnh		-(으)세요.	1	0,78	81,56
			-아/어 주세요/ 주십시오.	1	0,78	
	Sử dụng động từ ngôn hành		-부탁합니다/ 부탁드립니다	93	72,65	
			- 바랍니다	9	7,03	
B. Chiến lược gián tiếp và mang tính tiền lệ	Trần thuật nghĩa vụ		-(으)면 됩니다	1	0,78	14,83
	Giảm gánh nặng cho người nghe		-죄송하지만, 죄송합니다	4	3,12	
	Biểu đạt mong muốn		-고 싶다	3	2,34	
			-(으)면 좋겠습니다	1	0,78	
			-았/였/였으면 좋겠습니다	3	2,34	
			-(으)면 감사하겠습니다	8	6,24	
		Hỏi ý định		0	0	

	Đặt câu hỏi điều kiện ban đầu	Hỏi khả năng thực hiện	-아/어/여 주실 수 있습니까?	2	1,56	
			-아/어 주실 수 있을 겁니까?	1	0,78	
C. Chiến lược gián tiếp và mang tính tiền lệ	Ấm chỉ	Biểu đạt mục đích/ý định		0	0	0,78
		Giải thích tình huống	-고자 합니다	1	0,78	
	Tổng cộng			128	100	

Như được thể hiện trong bảng <2>, người học thực hiện cả ba chiến lược: chiến lược trực tiếp và tường minh, chiến lược gián tiếp và mang tính tiền lệ, chiến lược gián tiếp và không mang tính tiền lệ trong phương thức biểu đạt tính lịch sự. Tuy nhiên, có sự khác biệt có ý nghĩa giữa các chiến lược này. Chiến lược trực tiếp và tường minh chiếm 81,56%, chiến lược gián tiếp và mang tính tiền lệ chiếm 14,83% và chiến lược gián tiếp và không mang tính tiền lệ chiếm 0,78%.

Về chiến lược trực tiếp và tường minh, chỉ có 2 trường hợp (1,56%) người học sử dụng như sử dụng câu mệnh lệnh, động từ ngôn hành khi mong muốn đối phương thực hiện một hành vi nào đó. Dạng mệnh lệnh là phương thức diễn đạt quen thuộc mà người học đã được học và sử dụng từ trình độ sơ cấp. Đây là kết quả của việc người học nhận thức được nhờ và là hành vi đe dọa thể diện của đối phương, tức là giáo sư, và sử dụng dạng mệnh lệnh làm gia tăng mức độ đe dọa thể diện, ngược lại làm suy giảm tính lịch sự. Đáng chú ý, sử dụng động từ ngôn hành là phương thức chủ yếu (72,65%) được người học sử dụng nhằm biểu đạt tính lịch sự. Điều này chứng tỏ người học ở trình độ cao cấp đã có nỗ lực sử dụng chiến lược nhằm biểu đạt tính lịch sự đối với người nghe có địa vị xã hội cao hơn.

Ngược lại với chiến lược trực tiếp và tường minh, hai chiến lược còn lại không được người học sử dụng một cách tích cực. Chiến lược gián tiếp và không mang tính tiền lệ chỉ được sử dụng 1 lần (0,78%), chiến lược gián tiếp và không mang tính tiền lệ được sử dụng nhiều hơn nhưng cũng vẫn chiếm tỉ lệ thấp. Trong chiến lược gián tiếp và không mang tính tiền lệ, trần thuật nghĩa vụ, giảm gánh nặng cho người nghe, biểu đạt mong muốn, hỏi khả năng thực hiện là các phương thức được người học sử dụng nhằm biểu đạt tính lịch sự. Xét về bình diện tính đa dạng, người học chưa áp dụng được nhiều phương thức đa dạng nhằm biểu đạt tính lịch sự. Điều này chứng tỏ sự cần thiết của việc hướng dẫn người học sử dụng phương thức biểu đạt tính lịch sự một cách phong phú hơn.

4.2. Chiến lược trực tiếp và tường minh

4.2.1. Sử dụng dạng mệnh lệnh

Câu mệnh lệnh được hiểu là câu mà người nói ra lệnh hoặc chỉ thị cho đối phương thực hiện một hành động nào đó, thường có cấu trúc “-아/어라”, “-아/어”, “-(으)세요”, “(으)십시오” trong tiếng Hàn. Trong tiếng Hàn, câu mệnh lệnh thường mang tính áp đặt hoặc nội dung của hành vi mệnh lệnh có lợi cho đối phương. Nói cách khác, câu mệnh lệnh có chức năng truyền đạt ý định của người nói một cách trực tiếp và rõ ràng, nhưng vì vậy, có thể gây tổn hại đến thể diện của người nghe. Vì tính chất này, khi thực hiện hành vi nhờ, dạng mệnh lệnh là một trong nhiều cách biểu đạt mà người nói có thể sử dụng.

Tuy nhiên, trong tiếng Hàn, khi nhờ một việc nào đó có mức độ gánh nặng cao, sử dụng câu mệnh lệnh có thể tạo cảm giác người nói áp đặt người nghe thực hiện hành động đó. Đối tượng của nghiên cứu này là sinh viên chuyên ngành Hàn Quốc học trình độ cao cấp cho nên đã nhận thức được việc sử

dụng câu mệnh lệnh có thể tạo cảm giác áp đặt đối với giáo sư, đồng thời viết email là tình huống nghi thức nên đã tránh sử dụng câu mệnh lệnh. Kết quả là trong 30 email của người học Việt Nam, dạng dụng mệnh lệnh chỉ xuất hiện 2 lần. Các ví dụ đó cụ thể như sau:

(1) 이는 가능하거나 불가능한 경우 알려 주세요. [VS06]

(2) 혹시 궁금하신 게 있으시면 언제든지 연락하세요. [VS09]

Như thấy trong hai ví dụ trên, hai người viết lần lượt sử dụng cấu trúc “-아/어/여 주세요” và “-(으)세요”. Trong câu thứ nhất, người học dùng cấu trúc “-아/어/여 주세요” nên tạo cảm giác ít áp đặt hơn; trong câu thứ hai, người học sử dụng trạng từ “혹시” tạo sự uyển chuyển nhưng ngược lại sử dụng cấu trúc “-(으)세요” tạo cảm giác áp đặt. Trong tình huống sinh viên thực hiện HĐNT nhờ vả giáo sư, giáo sư có quyền chấp nhận hoặc từ chối nên dạng mệnh lệnh “-(으)세요” có tính chất áp đặt; sự áp đặt càng cao, tính lịch sự càng suy giảm.

4.2.2. Sử dụng động từ ngôn hành

"Động từ ngôn hành" là động từ biểu thị hành động được thực hiện bằng ngôn ngữ, ví dụ như: “cảm”, “yêu cầu”, “đề nghị”, “nhờ”, v.v. Trong nghiên cứu này, động từ ngôn hành xuất hiện thường xuyên nhất là và “부탁드리다”, chiếm tới 76,2%, ngược lại, “바라다” chỉ chiếm 7,4%. Lí do người học sử dụng động từ ngôn hành như chiến lược biểu đạt tính lịch sự là vì nhận thức khoảng cách xã hội giữa bản thân và giáo sư, đồng thời nhận thức được viết email là tình huống mang tính nghi thức. Ngoài ra, nhận thức được mức độ gánh nặng của HĐNT nhờ vả cũng được hiểu là một trong những lí do khiến đa số sinh viên lựa chọn chiến lược sử dụng động từ ngôn hành trong HĐNT nhờ vả giáo sư viết thư tiến cử. Chúng ta cùng tìm hiểu một vài ví dụ liên quan đến cách sử dụng động từ ngôn hành trong các email này:

(3) 이에 이메일을 통해 하나만 부탁드립니다. [VS21]

(5) 바쁘시겠지만 제 진학에 큰 도움이 될 추천서를 부탁드립니다. [VS18]

(6) 교수님은 대학원 진학 추천서를 써 주신데 경험이 많으시다오니 저에게 진학 추천서를 써 주시기를 부탁드립니다. [VS26]

Như bảng <2> đã chỉ ra, “부탁드리다”, “부탁하다” và “바라다” là ba động từ ngôn hành xuất hiện trong nghiên cứu này. Trong cả hai ví dụ 3 và 4 ở trên đều xuất hiện động từ ngôn hành khiêm nhường ngữ “부탁드리다” thay vì “부탁하다”. Ngoài ra, người học kết hợp động từ ngôn hành với “-아/어 주시기를”. Điều này cho thấy người học nhận thức được cần thực hiện phương thức biểu đạt tính lịch sự với người trên là giáo sư khi thực hiện HĐNT nhờ vả.

Tuy nhiên, có thể tìm thấy những ví dụ về phương thức biểu đạt tính lịch sự chưa phù hợp. Sau đây là một trong những ví dụ điển hình:

(7) 대학원 진학 추천서를 쓰기 부탁드립니다. [VS09]

Trong ví dụ 7, người học sử dụng khiêm nhường ngữ “부탁드리다” và vĩ tố “니다” để biểu đạt tính lịch sự. Tuy nhiên, người học sử dụng động từ “쓰다” thay vì “써 주시다” cho hành động của giáo sư. Điều này làm suy giảm tính lịch sử, đồng thời làm gia tăng mức độ đe dọa thể diện đối phương.

(8) 그러므로 교수님께서 일찍 대답해 주시기 바랍니다. [VS01]

(9) 저는 어휘교육에 대해 관심이 있으며 자세한 내용은 첨부된 파일에서 봐 주시기 바랍니다. [VS13]

Ngoài ra, “-아/어 주시기를 부탁드립니다” và “-아/어 주시기 바라다” có sự khác biệt định về mức độ thể hiện tính lịch sự. Cả hai đều sử dụng trong tình huống người nói có địa vị thấp hơn người nghe mong muốn người nghe thực hiện một hành vi nào đó nhưng “-아/어 주시기를 부탁드립니다” thể hiện mong muốn nhận được sự giúp đỡ một cách rõ ràng hơn. Vì vậy, phương thức này làm giảm tính áp đặt và nâng cao tính lịch sự. Đặc biệt, “-아/어 주시기 바라다” thường được sử dụng trong các hội nghị, buổi họp báo (Ji-young Kim và Seon-ung Yi, 2023, tr.85). Ở đây, tự thân việc sinh viên nhờ giáo sư là một gánh nặng, cho nên sinh viên cần giảm thiểu hành vi đe dọa thể diện của giáo sư bằng cách lựa chọn động từ “부탁드리다”.

4.3. Chiến lược gián tiếp và mang tính tiền lệ

4.3.1. Trần thuật nghĩa vụ

Cách thức mà theo đó ngôn ngữ chúng ta nói hay viết thay đổi theo tình huống” (Halliday, 1978, tr.32). Những kết quả này có thể được giải thích theo cách tương tự như kết quả của Đỗ Quang Việt (2004), trong đó người Việt chủ yếu sử dụng chiến lược yêu cầu trực tiếp khi vị trí của người nói cao hơn vị trí của người nghe hoặc mối quan hệ thân sơ giữa người nói và người nghe. Nói cách khác, trong tiếng Việt, yếu tố thân sơ là tiêu chuẩn quyết định thể hiện tính lịch sự hơn yếu tố quyền lực.

(10) 만약 추천서를 작성할 수 있으면 5 월 20 일전까지 보내시면 됩니다. [VS28]

Cấu trúc “(으)시면 되다” thường được sử dụng khi cho phép nhưng trong ví dụ trên, nó được sử dụng trong tình huống sinh viên thực hiện HĐNT nhờ vả đối với giảng viên là người có địa vị cao hơn mình. Vì vậy, mặc dù dùng vĩ tố “버니다” nhưng cấu trúc trên vẫn làm suy giảm tính lịch sự.

4.3.2. Giảm gánh nặng cho người nghe

Giảm gánh nặng cho người nghe bằng cách xin lỗi cũng được sử dụng một các chiến lược biểu đạt tính lịch sự khi thực hiện HĐNT nhờ vả, đặc biệt khi người nhờ vả là người nhỏ tuổi hơn hoặc có địa vị thấp hơn và hành động nhờ vả có mức độ gánh nặng cao. Trong nghiên cứu này, giảm gánh nặng cho người nghe chiếm tỉ lệ rất thấp. Sau đây là hai ví dụ trong bốn ví dụ đó:

(11) 불편함을 드려서 죄송합니다. [VS10]

(12) 매우 바쁘실 텐데 이러한 부탁까지 드리게 되어 대단히 죄송합니다. [VS13]

Trong hai ví dụ trên, nhận thức được việc nhờ vả giáo sư là một gánh nặng nên ngoài HĐNT nhờ vả và cảm ơn, sử dụng kính ngữ cho đối phương và khiêm nhượng ngữ cho chính mình, người học còn thực hiện hành động xin lỗi. Tuy nhiên, trường hợp giảm gánh nặng bằng cách xin lỗi tỉ lệ nghịch với trường hợp cảm ơn. Điều này có thể được giải thích người học đã thụ đắc được cảm ơn là một trong những cách biểu đạt tính lịch sự phổ biến khi nhờ vả trong tiếng Hàn.

4.3.3. Biểu đạt mong muốn

Biểu đạt mong muốn là một trong những chiến lược được sử dụng khi thực hiện hành động nhờ. Có rất nhiều cấu trúc khác nhau được sử dụng để biểu đạt mong muốn trong cả tình huống mang tính nghi thức và tình huống không mang tính nghi thức, mối quan hệ giữa người nói và người nghe là mối quan hệ thân hay sơ, địa vị của người nói và người nghe cao hay thấp. Nghĩa là có khoảng cách giữa các cấu trúc này.

(13) 그래서 교수님께 추천서를 받을 수 있었으면 좋겠습니다. [VS16]

(14) 그리고 추천서 작성가능 여부를 빨리 알려 주셨으면 합니다. [VS 10]

(15) 허락해 주신다면 선생님께서 시간이 되실 때 찾아뵙고 싶습니다. [VS13]

(16) 접수 마감 날짜는 4 월 20 일인데 그전까지 받을 수 있으면 감사하겠습니다. [VS02]

(17) 하지만 접수 마감 날짜는 2024 년 4 월 20 일이라서 교수님이 저에게 추천서를 이날 전에 보내 주실 수 있으면 감사하겠습니다. [VS07]

Trong các phương thức trên, “-고 싶다” thường được sử dụng trong các tình huống khẩu ngữ giữa người nói và người nghe có mức độ thân mật. Ngoài ra, “왔/왔/였으면 좋겠다” diễn đạt giả định của người nói về một việc nào đó xảy ra trái ngược với thực tế, và “(으)면 감사하겠습니다” diễn đạt giả định về một việc nào đó chưa diễn ra trong thực tế. Cho nên, so với “-고 싶다” chỉ đơn thuần biểu đạt hi vọng mà người nói mong muốn người nghe thực hiện và quyền thực hiện hành động hay không thuộc về người nghe. Bởi đó, HĐNT nhờ vả được thực hiện một cách gián tiếp, giúp người nói giảm bớt gánh nặng đối với người nghe và thể diện của người nghe có thể được bảo vệ.

Tuy nhiên, cũng có trường hợp không sử dụng động từ bổ trợ “-아/어/여 주다” làm suy giảm tính lịch sự. Dưới đây là một ví dụ:

(18) 그래서 석사생 과정에 이렇게 도움이 될 것 같아 교수님 추천서를 작성하시면 감사하겠습니다. [VS28]

4.3.4. Đặt câu hỏi điều kiện ban đầu

“-아/어도 될까요?” có nghĩa là xin phép người nghe. Đây là HĐNT nhờ vả một cách gián tiếp hơn là hỏi người nghe về ý định hoặc ý chí của họ. Cách biểu đạt có chủ ngữ - chủ thể của hành động - chính là người nói và ít mang tính chất ép buộc nên thường được sử dụng trong các tình huống đòi hỏi tính lịch sự hoặc nội dung nhờ vả có mức độ gánh nặng cao. Tương tự với “-(으)실 수 있을까요?” và “-(으)실 수 있으니까?” cũng không được tìm thấy. Hai cấu trúc này có chủ ngữ là người nghe, diễn đạt khả năng hành động. Đây cũng là một trong các cách biểu đạt tính lịch sự cao khi thực hiện HĐNT nhờ vả. Vì vậy, cách biểu đạt này không làm tổn hại đến thể diện của người nghe, đồng thời có sức mạnh ngôn ngữ của hành động lời nói khiến người nghe thực hiện hành động đó.

Khi cân nhắc mối quan hệ giữa người nói và người nghe là sinh viên và giáo sư, nội dung nhờ vả thư tiến cử có mức độ gánh nặng cao, cách đặt câu hỏi điều kiện ban đầu sử dụng ba cấu trúc trên có thể là một trong những cách biểu đạt HĐNT nhờ vả một cách lịch sự. Nhưng trong 30 email trong nghiên cứu này, không có ví dụ nào sử dụng cách biểu đạt này. Một trong những cách đặt câu hỏi điều kiện ban đầu được tìm thấy trong nghiên cứu này là “-(으)르 수 있으니까?” và “-(으)르 수 있을 겁니까?”

(19) 대학원 진학 추천서를 저에게 쓰실 수 있으니까? [VS22]

(20) 접수 마감 날짜가 2024 년 4 월 20 일이고 혹시 이 접수 마감 날짜 전에 교수님에게 추천서를 받을 수 있을 겁니까? [VS17]

Tuy nhiên, cách biểu đạt “-(으)르 수 있으니까?” trong ví dụ 19 không kết hợp với “주다”, đồng thời được diễn đạt ở thì hiện tại thay vì thì tương lai nên làm giảm tính lịch sự.

4.4. Chiến lược gián tiếp và không mang tính tiền lệ

4.4.1. Âm chỉ

Trong nghiên cứu này, chỉ có một ví dụ duy nhất về phương thức giải thích tình huống nhằm biểu đạt tính lịch sự của người học.

(21) 역사에 대한 소질과 기초를 가지고 있다고 칭찬해 주셔서 대학원 진학 추천서를 부탁드립니다. [VS24]

Trong ví dụ trên, người học đã sử dụng phương thức giải thích tình huống ‘-고자 하다’ để biểu đạt tính lịch sự. Đây là một trong những chiến lược gián tiếp và không mang tính tiền lệ phù hợp cho tình huống sinh viên thực hiện HĐNT nhờ vả giáo sư. Không có nhiều ví dụ về phương thức này trong nghiên cứu cho thấy người học chưa cân nhắc tính đa dạng trong phương thức biểu đạt tính lịch sự.

5. Kết luận

Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu phương thức biểu đạt tính lịch sự trong hành động nhờ được trình bày trong email tiếng Hàn của người học Việt Nam. Như đã phân tích ở trên, chúng ta có thể nhận thấy người học Việt Nam trình độ cao cấp nhận thức được đặc điểm dụng ngữ của việc biểu đạt tính lịch sự trong tiếng Hàn, đồng thời nhận thức được mức độ gánh nặng của HĐNT nhờ vả giáo sư viết thư tiến cử. Vì vậy, người học đã sử dụng cách biểu đạt tính lịch sự bằng lối diễn đạt trực tiếp và gián tiếp. Tuy nhiên, người học có xu hướng tập trung sử dụng một số cách diễn đạt trong các tình huống mang tính nghi thức. Ngoài ra, cũng có những trường hợp diễn đạt không phù hợp với tình huống.

Để người học có thể sử dụng cách biểu đạt tính lịch sự phù hợp với tình huống, người dạy cần giải thích ngôn ngữ trong bình diện ngữ dụng, cân nhắc yếu tố tuổi tác, mối quan hệ thân sơ, thứ bậc giữa người nói và người nghe. Trong nghiên cứu này, bản thân việc sinh viên nhờ giáo sư là một gánh nặng, và giáo sư có quyền lựa chọn từ chối hay chấp nhận lời nhờ vả đó. Vì vậy, người học cần tránh thực hiện HĐNT nhờ vả bằng dạng mệnh lệnh, động từ ngôn hành diễn đạt yêu cầu người nghe là người trên thực hiện một hành động nào đó một cách rõ ràng và trực tiếp, có khả năng đe dọa thể diện của họ. Thay vào đó, người học có thể sử dụng dạng nghi vấn để hỏi về khả năng thực hiện hành động, hoặc diễn đạt mong muốn, nhằm giảm thiểu hành vi đe dọa thể diện của đối phương, nâng cao tính lịch sự.

Người dạy cần chỉ ra cho người học sự khác biệt trong cách biểu đạt tính lịch sự do sự khác biệt về văn hóa giữa ngữ nguồn và ngữ đích. Đây là yếu tố đã được Haiyoung Lee (2002) nhấn mạnh khi đề cập tới bình diện dụng học xuyên văn hóa (cross-cultural pragmatics) trong giảng dạy tiếng Hàn cho người nước ngoài. Qua đó, người dạy có thể giúp người học vận dụng các chiến lược lịch sự phù hợp với nền văn hóa đích là Hàn Quốc. Đồng thời, khi cân nhắc tính đa dạng trong diễn đạt, người dạy cần giúp người học sử dụng nhiều phương thức biểu đạt khác nhau nâng cao tính lịch sự trong các tình huống đe dọa thể diện, ví dụ như “-아/어도 될까요?”, “-(으)리 수 있을까요?”, “-아/여 주실 수 있을지 여쭙보고 싶다”, v. v.

**This work was supported by the Core University Program for Korean Studies of the Ministry of Education of the Republic of Korea and Korean Studies Promotion Service at the Academy of Korean Studies (AKS-2019-OLU-2250003)*

Bài viết này được tài trợ bởi Dự án trường đại học trọng điểm về Hàn Quốc học của Bộ Giáo dục và Dự án phát triển Hàn Quốc học thuộc Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương (AKS-2019-OLU-2250003).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Quang (1999), “Trở lại vấn đề thể diện và lịch sự trong giao tiếp”. Tạp chí *Nghiên cứu Nước ngoài*, Tập 35, Số 2 (2019) 1-14.
2. Nguyễn Quang (2002), *Giao tiếp và giao tiếp giao văn hoá*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Quang (2004), *Một số vấn đề giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

4. Blum-Kulka, S.(1987), Indirectness and Politeness in Requests Same or Different Journal of Pragmatics, 11, 131-146.
5. Brown, P., & Levinson, S. C.(1987), *Politeness - Some Universals in Language Usage*. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Lakoff, R.T.(1973), *The Logic of Politeness, or Minding Your P's and Q's*. Chicago Linguistics Society, 9, 292-305.
7. Lakoff, R. T. (1990), *The politics of language in our lives*. New York: Basic Books.
8. 강현화 (2007), 한국어 표현문형 담화기능과의 상관성 분석 연구. *이중언어학* 34, 1-26.
9. 김지영·이선웅 (2023), 격식성에 따른 한국어 요청화행 전략 및 공손 표현- 드라마 말뭉치를 중심으로-. *우리말글*, 96, 59-98.
10. 김혜련 (2012), 한국어교육학회 학술발표논문집, 151-169.
11. 박상희·전지현 (2019), 한국과 미국 직장인의 영어 요청 이메일 비교 연구. *영어학*, 19(1), 142-164.
12. 오경숙 (2011), 한국어 거절 화행 교육의 방안. *서강인문논총* 0.30: 179-206.
13. 이해영 (2002), 비교문화적 화용론에 기초한 한국어의 화용 교육, *이중언어학* 21, 46-70 쪽, 이중언어학회.
14. 조미현 (2023), 서울대학교 국어교육과 선청어문, 52, 455-496.

**A study on politeness expressions
in Vietnamese learners' Korean request speech act (Focused on email)**

Abstract: The verbal act of asking for a favor itself can hurt the other person's face, so the use of this verbal act by native speakers is also difficult. It requires the speaker to use different strategies to minimize threats to the subject's face. Therefore, it is even more difficult for foreign language learners. Accordingly, if foreign language learners are not guided about appropriate linguistic expressions in the target language, it may lead to misunderstandings or even failure in communication. In this study, we examine how to express politeness in asking for favors in Korean of Vietnamese learners of Korean.

Key words: Korean; Vietnamese learners; politeness; email; request speech act.